

Số: 2701 /TCT-CS  
V/v chính sách thuế

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2015

Kính gửi:

- Cục Thuế Thành phố Hà Nội;
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC.  
(Đ/c: Tầng 2, toà nhà CT2A, KĐT mới Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 521/VN-PVC-TCKT và công văn số 66/VN-PVC/TCKT của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinanconex - PVC (do Vụ Chính sách Thuế - Bộ Tài chính chuyển đến). Về nội dung này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về thuế TNDN:

Tại Khoản 1 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 quy định:

*"1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:*

- a) *Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;*
- b) *Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật..."*

Tại Điểm 1 Điều 8 Chương 2 Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh mà không thành lập pháp nhân quy định:

*"1) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh mà không thành lập pháp nhân:*

- *Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng;*
- *Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng sản phẩm thì doanh thu tính thuế là doanh thu của sản phẩm được chia cho từng bên theo hợp đồng;*
- *Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận trước thuế thì doanh thu để xác định thu nhập trước thuế là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng."*

Tại Điểm n Khoản 3 Điều 5 Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hướng dẫn:

“n) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng.

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng sản phẩm thì doanh thu tính thuế là doanh thu của sản phẩm được chia cho từng bên theo hợp đồng.

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập trước thuế là số tiền bán hàng hoá, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hoá đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí, xác định lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp chia cho từng bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh. Mỗi bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tự thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của mình theo quy định hiện hành.

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế là số tiền bán hàng hoá, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hoá đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho các bên còn lại tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.”

## 2. Về thuế GTGT:

Tại Khoản 2 Điều 12 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 về điều kiện khấu trừ và hoàn thuế quy định:

“2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

a) Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu;

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng;

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải có hợp đồng ký kết với bên ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ, hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, chứng từ thanh toán qua ngân hàng, tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu...”

Tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 về điều kiện khấu trừ và hoàn thuế GTGT quy định:

“2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào:

a. Có hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hóa ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá

trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

...”

Tại Mục IV Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT về hóa đơn, chứng từ mua bán hàng hóa, dịch vụ hướng dẫn:

“Cơ sở kinh doanh khi mua, bán hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện chế độ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hoá đơn GTGT. Khi lập hoá đơn, cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hoá đơn. Đối với hoá đơn GTGT phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, phụ thu và phí tính ngoài giá bán (nếu có), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế; nếu không ghi tách riêng giá bán chưa có thuế và thuế GTGT, chỉ ghi chung giá thanh toán thì thuế GTGT đầu ra phải tính trên giá thanh toán, trừ trường hợp sử dụng chứng từ đặc thù.

Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hoá đơn bán hàng.”

Trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC và Công ty Cổ phần đầu tư Đồng Phát ký kết cùng góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia sản phẩm và phân chia chi phí theo tỷ lệ góp vốn thì đề nghị các bên nghiên cứu các quy định nêu trên và liên hệ với Cục Thuế TP. Hà Nội để được hướng dẫn thực hiện cụ thể.

Trường hợp trong quá trình thực hiện có vướng mắc thì đề nghị Cục Thuế TP. Hà Nội báo cáo, đề xuất cụ thể để Tổng cục Thuế hướng dẫn./.

Nơi nhận: //

- Như trên;
- Phó TCTr Cao Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ PC, Vụ CST - BTC;
- Vụ PC - TCT;
- Lưu: VT, CS (3b). 10

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH  
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Tân